

Số: /QĐ-UBND Lai Châu, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Đường dây 35kV đấu nối nhà máy thủy điện Hố Mít
vào TBA 110 kV thủy điện Nậm Mít Luông**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản phiên họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác
động môi trường ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Công văn số 1602/STNMT-MTK
ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo
kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường dây
35kV đấu nối nhà máy thủy điện Hố Mít vào trạm biến áp 110 kV thủy điện Nậm
Mít Luông;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường dây
35kV đấu nối nhà máy thủy điện Hố Mít vào trạm biến áp 110 kV thủy điện Nậm
Mít Luông đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 268/BQLDA-TĐHM
ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần thủy điện Hố Mít;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
2309/TTr-STNMT ngày 30 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án Đường dây 35kV đấu nối nhà máy thủy điện Hố Mít vào trạm
biến áp 110 kV thủy điện Nậm Mít Luông (sau đây gọi là Dự án) của Công ty
Cổ phần thủy điện Hố Mít (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hố Mít và

xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công khai danh sách Hội đồng thẩm định và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần thủy điện Hố Mít;
- UBND huyện Tân Uyên;
- UBND các xã: Hố Mít và Pắc Ta;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V1, V3, HCC;
- Lưu: VT, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY 35KV ĐẦU NỐI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỒ MÍT VÀO TBA 110 KV THỦY ĐIỆN NẬM MÍT LUÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

Tên dự án: Đường dây 35kV đầu nối nhà máy thủy điện Hồ Mít vào trạm biến áp 110 kV thủy điện Nậm Mít Luông.

Địa điểm thực hiện: xã Hồ Mít và xã Pắc Ta huyện Tân Uyên.

Chủ dự án: Công ty Cổ phần thủy điện Hồ Mít.

Đại diện: ông Phạm Văn Tuyên, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Địa chỉ: số nhà 60, đường Chu Văn An, tổ 1, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, Việt Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Đường dây 35 kV đầu nối nhà máy thủy điện Hồ Mít vào trạm biến áp 110 kV thủy điện Nậm Mít Luông được triển khai xây dựng trên địa bàn xã Hồ Mít và xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu có tổng chiều dài 7,727 km, 01 mạch; điểm đầu tại Trạm tăng áp 35kV nhà máy thủy điện Hồ Mít, điểm cuối tại cột số 52 ngăn lộ 35kV thuộc nhà máy thủy điện Nậm Mít Luông; có 52 vị trí cột (trong đó 42 góc), cột bê tông ly tâm chế tạo theo TCVN; móng cột thi công bằng bê tông cốt thép đúc tại chỗ; dây nhôm lõi thép ACSR95/16mm².

- Diện tích sử dụng đất của Dự án là 4.726,0 m² tại Hồ Mít và xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

- Thiết kế: kiểu đường dây trên không.

- Chiều dài tuyến: 7,727 km, trong đó:

+ Dây dẫn điện: sử dụng dây nhôm lõi thép ACSR-95/16, dài 7,727 km (chưa tính lèo và độ võng).

+ Dây chống sét: sử dụng dây thép TK50 hoặc tương đương, dài 4,738 km (chưa tính lèo và độ võng).

+ Tổng số 52 vị trí cột; khoảng cách mỗi cột dao động từ 15 m đến 402 m.

- Cột điện các loại: sử dụng cột điện bê tông cốt thép ly tâm nhóm I loại PC.I-14-13.0; PC.I-16-13.0, PC.I-18-13.0 và PC.I-20-13.0: 94 cột.

- Móng cột các loại: bê tông đúc móng cốt thép mác 150# loại MT-4; MT-5; MT-6; MT-7 và MTK-5: 92 móng; cột nổi cuối kếp, kích thước hố móng có chiều dài 2,4 m, rộng 2 m, sâu 2,5 m; cột nổi kếp, kích thước hố móng có chiều dài 4,4 m, rộng 4 m, sâu 1,9 m; cột néo đơn có chiều dài 2,2 m, rộng 1,8 m, sâu 1,9 m.

- Xà, cổ dề, giá đỡ, dây néo: gia công bằng thép hình, mạ kẽm nhúng nóng chiều dày tối thiểu ≥ 80 mm: 382 bộ.

- Tiếp địa: kiểu cọc tia hỗn hợp loại RC-4 và R3T: 52 bộ.

- Cách điện:

+ Cách điện đứng (đỡ) SD35kV: 52 quả;

+ Cách điện néo 35kV: 306 chuỗi (gồm chuỗi néo đơn và chuỗi néo kếp).

- Móng néo: bê tông đúc móng cốt thép mác 200# loại MN15-5 và MN20-5: 180 bộ; kích thước hố móng có chiều dài 2 m, rộng 1m, sâu 2 m đối với móng néo đơn; chiều dài 4 m, rộng 1m, sâu 2 m đối với móng néo kếp.

- Thiết bị bảo vệ đường dây:

+ Chống sét van 35kV: 02 bộ;

+ Cầu dao phụ tải 35kV-630A: 02 bộ.

- Ngăn lộ 35kV thuộc nhà máy thủy điện Nậm Mít Luông là thiết bị đóng cắt trọn bộ được đặt trong 02 tủ điện kích thước dài 1,6 m, rộng 1,2 m, cao 2,3 m.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước với diện tích 1.670,3 m², đất rừng phòng hộ 291,8 m².

2. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

+ Thu hồi diện tích đất rừng phòng hộ ảnh hưởng đến quy hoạch 3 loại rừng, đến kế hoạch quản lý, sử dụng tài nguyên rừng của cơ quan quản lý nhà nước, của các tổ chức, cá nhân được giao đất.

+ Thu hồi diện tích đất lúa ảnh hưởng đến việc cung cấp lương thực, lao động nông nghiệp; sinh hoạt của người dân.

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, từ hoạt động đào xúc đất đá với tác động của gió, chất thải xây dựng; quá trình thi công xây dựng Dự án.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- Tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải; máy móc thi công.

- Giai đoạn vận hành:
- + Điện từ trường từ hệ thống tuyến đường dây.
- + Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thực hiện kiểm tra, giám sát tuyến đường dây.
- + Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng định kỳ đường dây.
- + Chất thải rắn là thực bì phát sinh do chặt tỉa cành cây trong phạm vi hành lang tuyến đường dây.
- + Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, thay thế thiết bị, phụ kiện tuyến đường dây.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:
- + Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng; khối lượng khoảng 1,0 m³/ngày với các thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, nitơ, phốt pho, coliform.
- + Nước thải xây dựng gồm nước ngấm ngấm vào hố móng và lượng nước thừa trong quá trình đổ bê tông; khối lượng trung bình khoảng 0,02 m³/01 móng cột với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng.
- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân vận hành đường dây; khối lượng phát sinh khoảng 0,2 m³/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, nitơ, phốt pho, coliform.

3.1.2. Khí thải

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:
- + Bụi phát sinh từ các hoạt động thi công đào đắp đất đá phục vụ xây dựng móng và phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị.
- + Khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công.
- + Tiếng ồn phát sinh do vận hành máy móc thi công.
- + Quy mô phát sinh: cục bộ và tức thời, mức độ nhỏ.
- Trong giai đoạn vận hành: hầu như không phát sinh bụi, khí thải.

3.1.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn

- Giai đoạn thi công xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt khối lượng phát sinh khoảng 5,8 kg/ngày từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng, thành phần chủ yếu bao gồm vỏ chai lọ nhựa, hộp giấy, nilon, thức ăn thừa, vỏ rau củ quả,...; chất thải rắn xây dựng thông thường là thực bì phát quang tại các móng cột, khối lượng khoảng 5,735 tấn; đất đá dư thừa phát sinh từ đào, đắp các móng cột điện của toàn Dự án có khối lượng khoảng 289,25 m³ và mẫu sắt thép vụn có khối lượng khoảng 11,07 kg.

- Trong giai đoạn vận hành: chất thải rắn sinh hoạt khối lượng khoảng 0,29 kg/ngày từ hoạt động sinh hoạt của công nhân vận hành tuyến đường dây, thành phần chủ yếu bao gồm vỏ chai lọ nhựa, hộp giấy, nilon, thức ăn thừa, vỏ rau củ quả,...; chất thải rắn công nghiệp thông thường khối lượng khoảng 10 kg/năm, từ hoạt động sửa chữa, thay thế một số thiết bị, phụ kiện trên tuyến đường dây bị hư hỏng; chất thải rắn là thực bì khối lượng phát sinh khoảng 533 kg/năm/tuyến từ hoạt động phát quang thu dọn thực bì của tuyến đường dây.

b) Chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: khối lượng khoảng 3,5 kg là dầu mỡ và giẻ lau dính dầu mỡ; nguồn phát sinh từ quá trình cấp nhiên liệu, sửa chữa hỏng hóc, sự cố máy móc phục vụ xây dựng, thành phần chủ yếu là dầu mỡ.

- Trong giai đoạn vận hành: khối lượng khoảng 1,5 kg/năm là giẻ lau dính dầu mỡ; nguồn phát sinh từ hoạt động duy tu, bảo trì tuyến đường dây; thành phần chủ yếu là dầu mỡ.

3.1.4. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn chuẩn bị và xây dựng: tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường và các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: hầu như không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ Tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

+ Độ rung đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

3.1.5. Các tác động khác

- Trong giai đoạn thi công: tác động đến môi trường đất, hệ sinh thái khu vực; an toàn lao động và sự cố môi trường; sức khỏe cộng đồng; tình hình kinh tế - xã hội khu vực Dự án, tác động đến hệ thống giao thông khu vực do vận chuyển thiết bị thi công; tác động đến đời sống, sinh kế của các hộ dân do thu

hồi đất để thực hiện Dự án (1.670,3 m² đất trồng lúa, 212,5 m² đất trồng cây lâu năm và 291,8 m² đất rừng phòng hộ, 1.360,2 m² đất rừng sản xuất, 162,2 m²).

- Trong giai đoạn vận hành: tác động đến kinh tế - xã hội; các rủi ro, sự cố như cháy nổ, tai nạn lao động.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: bố trí 06 nhà vệ sinh di động (với kích thước: chiều dài 1,25 m, rộng 0,90 m, cao 2,50 m; bể chứa chất thải 500 lít; téc dự trữ nước sạch 400 lít. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đủ điều kiện pháp lý thực hiện gói thầu cung cấp và xử lý nước thải từ nhà vệ sinh di động để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh.

+ Nước thải xây dựng: tại khu vực thi công móng cột bố trí 01 thùng chứa nước dung tích 200 lít để phục vụ quá trình rửa, vệ sinh dụng cụ, máy trộn bê tông trên công trường. Nước thải sau thu gom được để lắng tạm định kỳ 2 - 3 ngày trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận. Cặn lắng sẽ được thu gom và xử lý như chất thải rắn thi công. Nguồn tiếp nhận nước thải là khe suối hoặc ao gần khu vực thi công không khai thác cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đạt QCVN 40:2011 /BTNMT, cột B.

+ Nước mưa chảy tràn: tại mỗi vị trí móng cột, bố trí máy bơm nước có công suất 200W nối với đường ống D60 để hút lượng nước mưa chảy tràn trong các hố móng vào thùng chứa nước dung tích 200 lít, để lắng tạm trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận, cặn lắng sẽ được thu gom và xử lý như chất thải thi công. Nguồn tiếp nhận nước thải là khe suối hoặc ao gần khu vực thi công không khai thác cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân vận hành được đưa vào bể tự hoại tại khu điều hành thủy điện Hồ Mít.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công:

+ Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng phải có giấy phép hoạt động còn hạn sử dụng của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

+ Tổ chức thi công làm dứt điểm từng đoạn, từng hạng mục, làm tới đâu thu dọn hiện trường và làm vệ sinh ngay tới đó.

+ Khi tiến hành thi công, bố trí hợp lý mật độ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công, các phương tiện hoạt động đúng công suất thiết kế, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

+ Che phủ bạt đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng như cát, đá... để hạn chế bụi phát sinh tại khu vực. Giảm tốc độ phương tiện xuống dưới 30 km/giờ khi đi qua các khu vực đông dân cư.

+ Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện và thiết bị thi công, vận chuyển. Hạn chế sử dụng các loại xe đã quá cũ để giảm thiểu mức độ gây ô nhiễm môi trường không khí.

+ Đối với các vị trí cần dập bụi tại các tuyến đường vận chuyển gần khu dân cư: sử dụng xe tưới nước chuyên dùng.

+ Đối với các vị trí thi công các móng cột đa phần nằm trên đồi núi có cây cối xung quanh, cho nên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công; chủ đầu tư sẽ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Giai đoạn vận hành không phát sinh bụi, khí thải.

4.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại

4.2.1. Chất thải rắn

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: được phân loại, thu gom và xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu và điều kiện thực tế của từng địa phương.

+ Đối với đất, đá thải trong quá trình thi công móng cột: được phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý; tái sử dụng cho mục đích phù hợp theo quy định tại Chương II Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

+ Đối với cây cối chặt bỏ: được phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định; tận dụng, sử dụng cho các mục đích phù hợp.

- Trong giai đoạn vận hành: thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành sẽ được thu gom vào 03 thùng nhựa dung tích 20 lít, kết thúc ngày thi công sẽ được đưa về kho chứa chất thải nguy hại của Thủy điện Hố Mít để quản lý và hợp đồng chuyên giao xử lý theo quy định.

- Công ty Cổ phần thủy điện Hố Mít ký hợp đồng với đơn vị có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3. Công trình biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng phải có giấy phép hoạt động còn hạn sử dụng của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Tổ chức thi công làm dứt điểm từng đoạn, từng hạng mục, làm tới đâu thu dọn hiện trường và làm vệ sinh ngay tới đó.

- Khi tiến hành thi công, bố trí hợp lý mật độ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công, các phương tiện hoạt động đúng công suất thiết kế, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

4.4. Các công trình, biện pháp khác giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất; thu hồi đất rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chỉ thu hồi đất để thực hiện móng cột, móng néo; không thu hồi đất đối với hành lang tuyến và diện tích chiếm dụng tạm thời để thi công; thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định đối với hành lang tuyến và diện tích chiếm dụng tạm thời để thi công.

+ Áp dụng biện pháp kỹ thuật, thi công phù hợp theo quy định, bảo đảm chiều cao dây dẫn vượt toàn bộ rừng phòng hộ trong hành lang tuyến và hạn chế tối đa ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, hệ sinh thái khu vực Dự án và lân cận.

- Trong giai đoạn vận hành: chỉ chặt tia cây cối trong diện tích rừng phòng hộ thuộc phạm vi hành lang tuyến.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường nước thải

- Nước thải sinh hoạt: không thực hiện giám sát do nước thải sinh hoạt không thải trực tiếp vào môi trường tiếp nhận tại các vị trí móng cột mà thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý thực hiện.

- Nước thải xây dựng:

+ Thông số giám sát: TSS.

+ Vị trí giám sát: nước thải sau khi để lắng trong thùng chứa dung tích 200 lít tại điểm đầu tuyến trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (suối Nậm Mít Luông).

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

5.1.2. Giám sát bụi và khí thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí của tuyến đường dây 35kV, khoảng 1.899 m tại xã Hồ Mít (gần Trường THCS Hồ Mít).

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), NO₂, SO₂, CO, ồn, rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giám sát: khối lượng đất đá thải, chất thải nguy hại phát sinh; phân định; phân loại; chùng loại; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: tại khu vực thi công cột điện.

- Tần suất giám sát: hàng ngày trong suốt quá trình thi công.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu và các quy định khác có liên quan.

5.1.4. Giám sát trượt lở

- Thông số giám sát: lún, trượt, sạt, xói lở.

- Vị trí giám sát: toàn bộ các vị trí móng cột có nguy cơ trượt lở.

- Tần suất giám sát: hàng ngày trong suốt thời gian thi công.

- Yêu cầu giám sát: sớm phát hiện các nguy cơ trượt lở để có các biện pháp khắc phục kịp thời, phù hợp.

5.2. Trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát phát quang, chặt hạ cây cối

- Vị trí giám sát: các vị trí tuyến đường dây cắt qua diện tích đất có rừng.

- Thông số giám sát: phỏng vấn người dân, quan sát bằng mắt phạm vi phát tuyến và cách thức xử lý thực bì từ quá trình phát quang.

- Tần suất giám sát: liên tục trong quá trình thi công, vận hành.

5.2.2. Giám sát sụt lún, xói lở chân cột điện

- Vị trí giám sát: tại 52 cột điện.

- Tần suất giám sát: thường xuyên trong thời gian bảo hành công trình; 02 lần/năm trong giai đoạn vận hành (01 lần trước mùa mưa bão và 01 lần sau mùa mưa bão).

- Thông số giám sát: lún, trượt, sạt, xói lở.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Chủ dự án chỉ được phép triển khai thi công xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện các thủ tục về chuyển mục đích sử dụng đất sang đất công trình năng lượng theo đúng quy định pháp luật; hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng, đền bù, hỗ trợ đối với diện tích hành lang tuyến, diện tích đất chiếm dụng để thi công tuyến đường dây và phần ngăn lộ; hoàn thành thủ tục giao đất, thuê đất theo các quy định của pháp luật.

- Tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng khu vực Dự án và lân cận: Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản khác có liên quan.

- Tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công nhân về bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án phối hợp chặt chẽ với 02 xã (Pắc Ta và Hố Mít) trong công tác hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng của Dự án.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý giao thông và chính quyền địa phương để thống nhất kế hoạch thi công đường dây tại những điểm giao cắt với đường giao thông; thực hiện thủ tục cấp phép trước khi thi công tại các vị trí giao cắt với đường giao thông.

- Trong quá trình thi công, vận hành Dự án nếu gây ra hư hỏng đường, mặt đường thì phải sửa chữa, khắc phục kịp thời và đảm bảo.

- Chủ dự án có nghĩa vụ nộp đầy đủ số tiền bảo vệ đất trồng lúa; nộp tiền vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Lai Châu để tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định tại Luật Lâm nghiệp (nếu có).

- Đảm bảo, hoàn trả lại hiện trạng khi có hư hỏng về hạ tầng kỹ thuật trong quá trình vận chuyển, thi công xây dựng; đền bù 100% số cây phải chặt để đảm bảo khoảng cách cho an toàn hành lang tuyến đường dây.

- Đối với việc vận chuyển qua đường vận hành nương thủy lợi: Chủ dự án phải ký quỹ, cam kết sửa chữa với 02 xã (Pắc Ta và Hố Mít), kịp thời sửa chữa, khắc phục khi gây tác động xấu đến đường vận hành nương thủy lợi.

- Thực hiện nghiêm công tác cải tạo, phục hồi cảnh quan, hoàn trả diện tích đất chiếm dụng tạm thời phục vụ xây dựng Dự án.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện các giải pháp phù hợp để phòng ngừa, chống sạt lở, xói mòn và bảo vệ môi trường đất khu vực Dự án; kịp thời khắc phục, bồi thường các sự cố, thiệt hại đến môi trường do Dự án gây ra.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường.

- Thực hiện các biện pháp cải tạo, nới đất công trình, bảo đảm quy định về an toàn điện của pháp luật hiện hành; tuân thủ quy định về bảo vệ hàng lang an toàn lưới điện trong quá trình thi công và vận hành Dự án./.